

Số: 768/QĐ-YHB

Hải Phòng, ngày 24 tháng 9 năm 2024

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu:  
Mua sắm sinh phẩm xét nghiệm năm 2024-2025 của Viện Y học biển

### VIỆN TRƯỞNG VIỆN Y HỌC BIỂN

Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23/6/2023 của Quốc hội;

Căn cứ Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27/02/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư số 06/2024/TT-BKHĐT ngày 26/4/2024 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin về lựa chọn nhà thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu Quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 921/QĐ-BYT ngày 11/4/2024 của Bộ Y tế Quy định thẩm quyền quyết định việc mua sắm tài sản, hàng hóa, dịch vụ phục vụ hoạt động của các cơ quan, đơn vị thuộc và trực thuộc Bộ Y tế;

Căn cứ Quyết định số 930/2001/QĐ-BYT ngày 27/3/2001 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc thành lập Viện Y học biển trực thuộc Bộ Y tế;

Căn cứ Quyết định số 729/QĐ-YHB ngày 16/9/2024 của Viện trưởng Viện Y học biển về việc phê duyệt dự toán và nguồn vốn gói thầu: Mua sắm sinh phẩm xét nghiệm 2024-2025 của Viện Y học biển;

Theo đề nghị của Tổ xây dựng kế hoạch tại Tờ trình số 304/TTr-TXDKH ngày 20/9/2024 về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu: Mua sắm sinh phẩm xét nghiệm năm 2024-2025 của Viện Y học biển và Báo cáo thẩm định số 306/BC-TTĐ ngày 23/9/2024 của Tổ thẩm định kế hoạch lựa chọn nhà thầu,

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu: Mua sắm sinh phẩm xét nghiệm năm 2024-2025 của Viện Y học biển, với nội dung chi tiết theo phụ lục đính kèm.



**Điều 2.** Giao cho Khoa Dược phối hợp với Phòng Tài chính Kế toán chịu trách nhiệm tổ chức lựa chọn nhà thầu theo kế hoạch lựa chọn nhà thầu được duyệt đảm bảo tuân thủ các quy định hiện hành

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Các Ông (Bà) Trưởng phòng Tài chính Kế toán, Trưởng Khoa Dược, các đơn vị và cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như điều 3;
- Lưu: VT, TCKT, KD.

**VIỆN TRƯỞNG**



**VIỆN TRƯỞNG**  
PGS.TS.BS. *Trần Thị Quỳnh Chi*



Phụ lục:

KẾ HOẠCH LỰA CHỌN NHÀ THẦU  
DỰ TOÁN MUA SẴM: MUA SẴM SINH PHẨM XÉT NGHIỆM  
NĂM 2024-2025 CỦA VIỆN Y HỌC BIỂN



(Kèm theo Quyết định số 768/QĐ-YHB ngày 24/9/2024 của Viện Y học biển)

Stt	Tên chủ đầu tư	Tên gói thầu		Giá gói thầu	Nguồn vốn	Hình thức lựa chọn nhà thầu	Phương thức lựa chọn nhà thầu	Thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu	Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu	Loại hợp đồng	Thời gian thực hiện gói thầu	Tùy chọn mua thêm	Giám sát hoạt động đấu thầu
		Tên gói thầu	Tóm tắt công việc chính của gói thầu										
1	Viện Y học biển	Gói thầu: Mua sắm sinh phẩm xét nghiệm năm 2024-2025 của Viện Y học biển	Mua sắm sinh phẩm xét nghiệm năm 2024-2025 của Viện Y học biển	3.598.024.580	Nguồn thu sự nghiệp	Đấu thầu rộng rãi, qua mạng	Một giai đoạn, một túi hồ sơ	60 ngày	Tháng 9, 10 năm 2024	Theo đơn giá cố định	12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	30%	Không đề xuất
Tổng giá gói thầu				3.598.024.580	Bằng chữ: Ba tỷ năm trăm chín mươi tám triệu không trăm hai mươi tư nghìn năm trăm tám mươi đồng								

Danh mục hàng hoá chi tiết: Phụ lục kèm theo Quyết định này.

**PHỤ LỤC: DANH MỤC MUA SẮM SINH PHẨM XÉT NGHIỆM  
NĂM 2024-2025 CỦA VIỆN Y HỌC BIỂN**

(Kèm theo Quyết định số 768/QĐ-YHB ngày 24/9/2024 của Viện Y học biển)



T	Tên hàng hóa	Đặc điểm, thông số kỹ thuật hàng hoá	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến 2024-2025	Giá kế hoạch đã có VAT (VNĐ)	Thành tiền kế hoạch đã có VAT (VNĐ)
	Khay thử xét nghiệm định tính kháng thể IgG và IgM kháng HAV	<ul style="list-style-type: none"><li>-Test thử HAV IgG/IgM được thiết kế để đồng thời phát hiện và phân biệt kháng thể IgG và IgM kháng vi rút viêm gan A ở huyết thanh hoặc huyết tương người.</li><li>-Test thử Bioline™ HAV IgG/IgM có 3 vạch được phủ sẵn trên bề mặt màng: "G" (vạch thử HAV IgG), "M" (vạch thử HAV IgM) và "C" (vạch chứng).</li><li>- Vạch chứng: Kháng thể dễ kháng IgG chuột (0,640 ± 0,128 µg)</li><li>- Kháng nguyên: Kháng nguyên vi rút viêm gan A tái tổ hợp (1,5 ± 0,3 µg)</li><li>- Độ nhạy 97,6% và độ đặc hiệu là 98%</li><li>- Thẻ tích sử dụng huyết thanh hoặc huyết tương chỉ là 5 µL và thời gian đọc kết quả là 20 phút</li><li>- Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485 hoặc tương đương.</li></ul>	Test	1.600	101.443	162.308.800

<p>Khay thử xét nghiệm định tính kháng thể kháng HCV</p>	<p>Phát hiện kháng thể đặc hiệu kháng HCV trong mẫu huyết thanh, huyết tương, máu toàn phần người.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Độ nhạy: 100%; Độ đặc hiệu: 99.4% (so với xét nghiệm xác nhận sử dụng RT-PCR)</li> <li>- 1 test thử bao gồm: Phức hợp vàng: Protein A – chất keo vàng (1,0 ± 0,2 µg), vạch thử: Kháng nguyên HCV tái tổ hợp (lõi, NS3, NS4, NS5) (1,5 ± 0,3 µg), vạch chứng: Globulin miễn dịch dê kháng người (2,0 ± 0,4 µg)</li> <li>- Thời gian trả kết quả: 5 – 20 phút</li> <li>- Thể tích mẫu sử dụng: 10µl</li> <li>- Không có phản ứng chéo với các mẫu Kháng thể HBs, CMV, HIV, Giang mai, xoắn khuẩn Borrelia burgdorferi, EBV, HTLV, Ký sinh trùng Toxoplasma, Chlamydia, HBsAg, Cúm, Trypanosoma cruzi I/II</li> <li>- Kit thử ổn định ít nhất 4 tuần khi để ở nhiệt độ 55 ± 1 °C</li> <li>- Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485 hoặc tương đương.</li> </ul>	<p>Test</p>	<p>3.700</p>	<p>33.185</p>	<p>122.784.500</p>
<p>Khay thử xét nghiệm định tính kháng thể kháng Syphilis</p>	<p>Phát hiện tất cả các type kháng thể (IgG, IgM, IgA) kháng Treponema pallidum trong huyết thanh, huyết tương và máu toàn phần.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Độ nhạy ≥ 99.3% và Độ đặc hiệu ≥ 99.5% so với TPHA.</li> <li>- Test thử được phủ sẵn kháng nguyên Treponema pallidum tái tổ hợp (17kDa, 15 kDa) trên vùng vạch thử.</li> <li>- 1 test thử bao gồm: Phức hợp vàng - kháng nguyên Treponema pallidum tái tổ hợp (17, 15KDa) (1,0 ± 0,2 µg); Vạch thử: Kháng nguyên Treponema pallidum tái tổ hợp (17, 15KDa) (0,7 ± 0,14 µg); vạch chứng: Huyết thanh dê kháng Treponema pallidum (0,75 ± 0,15 µg)</li> <li>- Thời gian trả kết quả: 5 – 20 phút</li> <li>- Thể tích mẫu sử dụng: huyết thanh/huyết tương: 10 uL; máu toàn phần: 20uL</li> <li>- Giới hạn phát hiện: ở ngưỡng pha loãng 256 lần của mẫu huyết thanh dương tính với giang mai</li> <li>- Không có phản ứng chéo với các mẫu HIV, HBV, HCV, HTLV, EBV, CMV, Chlamydia, cúm, ký sinh trùng Toxoplasma, bệnh nhân ung thư, xoắn khuẩn Borrelia burgdorferi IgG/IgM và Trypanosomiasis (T.cruzi I/II).</li> <li>- Đạt tiêu chuẩn: CE, ISO</li> <li>- Được đánh giá bởi USAID.</li> </ul>	<p>Test</p>	<p>7.100</p>	<p>20.250</p>	<p>143.775.000</p>

<p>Test thử nhanh Dengue IgG&amp;IgM Cassette</p>	<p>Phát hiện định tính các kháng thể kháng sốt xuất huyết IgM và/hoặc IgG trong huyết thanh, huyết tương hoặc máu toàn phần nhằm hỗ trợ chẩn đoán nhiễm sốt xuất huyết Kháng nguyên virus sốt xuất huyết tái tổ hợp đã tiếp hợp với phân tử vàng, Kháng thể kháng IgM ở người hoặc Kháng thể kháng IgG ở người được cố định trên màng. Kháng nguyên virus sốt xuất huyết tái tổ hợp đã tiếp hợp với phân tử vàng, Kháng thể kháng IgM ở người hoặc Kháng thể kháng IgG ở người được cố định trên màng. + Độ nhạy: <math>\geq 97.6\%</math> + Độ đặc hiệu: <math>\geq 96.3\%</math> Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485 hoặc tương đương.</p>	<p>Test</p>	<p>4.000</p>	<p>54.000</p>	<p>216.000.000</p>
<p>Test thử nhanh Dengue NS1 Antigen Cassette</p>	<p>Kháng thể kháng sốt xuất huyết NS1 đã tiếp hợp với phân tử vàng, Kháng thể kháng sốt xuất huyết NS1 bất giữ. + Độ nhạy: <math>\geq 94.8\%</math> + Độ đặc hiệu: 100% Phát hiện định tính kháng nguyên NS1 trong huyết thanh, huyết tương hoặc máu toàn phần nhằm hỗ trợ chẩn đoán nhiễm sốt xuất huyết. Tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.</p>	<p>Test</p>	<p>4.000</p>	<p>60.000</p>	<p>240.000.000</p>
<p>Chất thử xác định nhóm máu Anti-D</p>	<p>Lọ dung dịch kháng thể đơn dòng D được pha loãng trong một bộ đệm phosphate có chứa natri clorua, EDTA và albumin bò, dùng để thử nghiệm ngưng kết hồng cầu xác định nhóm máu. - Hiệu giá kháng thể 1:512 - Độ nhạy và độ đặc hiệu: 100% - Bảo quản ở 2-8°C - Đóng gói 10ml/Lọ Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485 hoặc tương đương.</p>	<p>Lọ</p>	<p>47</p>	<p>380.000</p>	<p>17.860.000</p>

<p>Xét nghiệm phát hiện HBeAb trong máu toàn phần, huyết thanh, huyết tương</p>	<p>Phát hiện HBeAb trong máu toàn phần, huyết thanh, huyết tương Đạt tiêu chuẩn ISO13485:2016</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Độ nhạy 95.6%</li> <li>- Độ đặc hiệu 99.3%</li> <li>- Mẫu phẩm: Huyết thanh, huyết tương, máu toàn phần</li> <li>- Thành phần kit thử:</li> <li>Vùng cộng hợp: Kháng thể đơn dòng kháng HBe (0,16 µg); Vạch kết quả: Kháng thể đơn dòng kháng HBe (0,2 µg); Vạch chứng: Kháng thể đa dòng dê kháng chuột (0,88 µg).</li> <li>- Bảo quản ở nhiệt độ thường</li> </ul>	<p>Test</p>	<p>100</p>	<p>9.500</p>	<p>950.000</p>
<p>Xét nghiệm phát hiện HBeAg trong máu toàn phần, huyết thanh hoặc huyết tương của người</p>	<p>Phát hiện HBeAg trong máu toàn phần, huyết thanh hoặc huyết tương của người. Đạt tiêu chuẩn ISO13485:2016</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Mẫu phẩm: Huyết thanh, huyết tương, máu toàn phần</li> <li>- Độ nhạy: 96.2%; Độ đặc hiệu: 99.4%; Khoảng tin cậy: 95%</li> <li>- Thành phần Kit thử: Vùng cộng hợp: Kháng thể đơn dòng kháng HBe (0,16 µg); Vạch kết quả : Kháng thể đơn dòng kháng HBe (0,2 µg); Vạch chứng: Kháng thể đa dòng dê kháng chuột (0,88 µg)</li> <li>- Bảo quản ở nhiệt độ thường</li> </ul>	<p>Test</p>	<p>1.200</p>	<p>9.000</p>	<p>10.800.000</p>
<p>Viêm gan E (HEV IgM)</p>	<p>Xét nghiệm phát hiện kháng thể IgM kháng Hepatitis E Virus</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Mẫu phẩm: Huyết thanh, huyết tương</li> <li>- Độ nhạy: 100 % ; Độ đặc hiệu: 99.49 %</li> <li>Thành phần Kit thử:</li> <li>- Kháng nguyên HEV tái tổ hợp (HEV recombinant antigen): 15 µg/ml</li> <li>- Avidin: 15µg/ml;</li> <li>- Kháng thể kháng chuỗi V-IgM người (Anti-human IgM µ-chain antibody): 2.5 mg/ml;</li> <li>- Biotin: 2.0 mg/ml.</li> <li>Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485 hoặc tương đương.</li> </ul>	<p>Test</p>	<p>600</p>	<p>34.000</p>	<p>20.400.000</p>

<p>Chất thử xác định nhóm máu Anti-AB</p>	<p>Lọ dung dịch kháng thể đơn dòng AB được pha loãng trong một bộ đệm phosphate có chứa natri clorua, EDTA và albumin bò, dùng để thử nghiệm ngưng kết hồng cầu xác định nhóm máu.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hiệu giá kháng thể 1:512</li> <li>- Độ nhạy và độ đặc hiệu: 100%</li> <li>- Bảo quản ở 2-8°C</li> <li>- Đóng gói 10ml/Lọ</li> </ul> <p>Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485 hoặc tương đương.</p>	<p>Lọ</p>	<p>73</p>	<p>150.000</p>	<p>10.950.000</p>
<p>Chất thử xác định nhóm máu Anti-B</p>	<p>Lọ dung dịch kháng thể đơn dòng B được pha loãng trong một bộ đệm phosphate có chứa natri clorua, EDTA và albumin bò, dùng để thử nghiệm ngưng kết hồng cầu xác định nhóm máu.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hiệu giá kháng thể 1:512</li> <li>- Độ nhạy và độ đặc hiệu: 100%</li> <li>- Bảo quản ở 2-8°C</li> <li>- Đóng gói 10ml/Lọ</li> </ul> <p>Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485 hoặc tương đương.</p>	<p>Lọ</p>	<p>73</p>	<p>150.000</p>	<p>10.950.000</p>
<p>Chất thử xác định nhóm máu Anti-A</p>	<p>Lọ dung dịch kháng thể đơn dòng A được pha loãng trong một bộ đệm phosphate có chứa natri clorua, EDTA và albumin bò, dùng để thử nghiệm ngưng kết hồng cầu xác định nhóm máu.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hiệu giá kháng thể 1:512</li> <li>- Độ nhạy và độ đặc hiệu: 100%</li> <li>- Bảo quản ở 2-8°C</li> <li>- Đóng gói 10ml/Lọ</li> </ul> <p>Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485 hoặc tương đương.</p>	<p>Lọ</p>	<p>73</p>	<p>150.000</p>	<p>10.950.000</p>

<p>Khay thử xét nghiệm định tính kháng nguyên Influenza A, Influenza B</p>	<p>Định tính phát hiện và phân biệt kháng nguyên vi rút cúm A (gồm H5N1 và H1N1) và B trong mẫu dịch mũi/ dịch họng/ dịch ty hầu/ dịch hút rửa mũi và ty hầu của người.</p> <p>Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016, chứng chỉ xuất khẩu FDA, đáp ứng chỉ thị 98/79/EC ; Phân loại trang TBYT loại C</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Mẫu thử: Dịch mũi, họng, ty hầu, dịch rửa mũi và ty hầu</li> <li>- Định tính phát hiện kháng nguyên vi rút cúm A/B</li> <li>- Vạch T1: Độ nhạy tương quan: 86,8% , Độ đặc hiệu tương quan: 94%</li> <li>- Vạch T2: Độ nhạy tương quan: 91,7% , Độ đặc hiệu tương quan: 97,5%</li> <li>- Thành phần Test thử: Cộng hợp vàng kháng thể kháng virut cúm A cộng hợp vàng kháng thể kháng virut cúm B</li> <li>- Vạch T1 kháng thể kháng nguyên virut cúm A</li> <li>- Vạch T2 kháng thể kháng nguyên virut cúm B</li> <li>- Vạch chứng kháng thể dề kháng IgG chuột</li> <li>- Không phản ứng chéo với mẫu phẩm Adenovirus, HSV-1...</li> </ul>	<p>Test</p>	<p>4.500</p>	<p>84.000</p>	<p>378.000.000</p>
<p>Que thử phân tích nước tiểu</p>	<p>Các chỉ số đo: Leukocytes, Nitrite, Urobilinogen, Protein, pH, Blood, Specific Gravity, Ketone, Bilirubin, Glucose.</p> <p>Dài đo của các chỉ số:</p> <p>Leukocytes: 5-15 cells/<math>\mu</math> L</p> <p>Nitrite: 13-22 <math>\mu</math> mol/L</p> <p>Urobilinogen: 3.2-16 <math>\mu</math> mol/L</p> <p>Protein: 0.15-0.3 g/L</p> <p>pH: 5.0-9.0</p> <p>Blood: 5-15 cells/<math>\mu</math> L</p> <p>Specific Gravity: 1.005-1.030</p> <p>Ketone: 0.5-1.0 mmol/L</p> <p>Bilirubin: 3.3-17 <math>\mu</math> mol/L</p> <p>Glucose: 2.8-5.5 mmol/L</p> <p>Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485 hoặc tương đương.</p>	<p>Test</p>	<p>67.500</p>	<p>1.800</p>	<p>121.500.000</p>

	<p>Các chỉ số đo: Glucose, Bilirubin, Ketone, pH, Blood, Protein, Nitrite, Urobilinogen, Leukocyte, SG.</p> <p>- Dải đo của các chỉ số:</p> <p>Protein: 15-30mg/dL albumin  Blood: 0.015-0.062mg/dL hemoglobin  LeukoCyte: 5-15  Nitrite: 0.06-0.1mg/dL nitrite ion  Glucose: 75-125mg/dL  Ketone: 5-10mg/dL acetoacetic acid  pH: 4.6- 8.0  SG: 1.001-1.035  Bilirubin: 0.4-0.8mg/dL  Urobilinogen: 0.2EU/dL</p> <p>Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485 hoặc tương đương.</p>	Test	14.000	8.883	124.362.000
<p>Xét nghiệm phát hiện kháng thể kháng HIV</p>	<p>Phát hiện tất cả các type kháng thể (IgG, IgM, IgA) đặc hiệu với virus HIV -1 gồm type phụ O và HIV-2 bằng sự hình thành vạch rõ ràng (3 vạch) và phân biệt trong mẫu huyết thanh, huyết tương và máu toàn phần.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhạy với IgM trong giai đoạn nhiễm bệnh sớm</li> <li>- Độ nhạy: 100%; Độ đặc hiệu: <math>\geq 99.75\%</math>.</li> <li>- 1 test thử bao gồm: Phức hợp vàng: Kháng nguyên HIV-1 gp41, p24, HIV-2 gp36 tái tổ hợp - chất keo vàng (<math>1,0 \pm 0,2 \mu\text{g}</math>); Vạch thử 1: Kháng nguyên HIV -1 tái tổ hợp (gp41, p24) (<math>0,625 \pm 0,125 \mu\text{g}</math>); Vạch thử 2: Kháng nguyên HIV -2 tái tổ hợp (gp36) (<math>0,5 \pm 0,1 \mu\text{g}</math>); Vạch chứng: Huyết thanh dê có kháng thể HIV (<math>0,75 \pm 0,15 \mu\text{g}</math>).</li> <li>- Thời gian trả kết quả: 10 – 20 phút</li> <li>- Thể tích mẫu sử dụng: huyết thanh/huyết tương: 10 uL; máu toàn phần: 20uL</li> <li>- Nhiệt độ bảo quản: 1 – 30 °C</li> <li>- Không có phản ứng chéo với các mẫu thâm tách máu, mẫu rối loạn đông máu, mẫu dương tính với kháng thể kháng HCV và mẫu máu phụ nữ mang thai.</li> </ul> <p>Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485 hoặc tương đương.</p>	Test	12.480	42.525	530.712.000

<p>Test định tính kháng nguyên HBsAg trong mẫu huyết thanh, huyết tương người</p>	<p>Phát hiện định tính kháng nguyên HBsAg trong mẫu huyết thanh, huyết tương người.          - Độ nhạy: <math>\geq 98,4\%</math> (Khoảng tin cậy 96.2 - 100%); Độ đặc hiệu: <math>\geq 99,6\%</math> (Khoảng tin cậy 97.9 - 100%)          - Thành phần:          + Phức hợp vàng: Kháng thể đơn dòng chuột kháng HBs- keo vàng (<math>0.026 \pm 0.008</math> <math>\mu\text{g}</math>), keo vàng - IgY gà (<math>0.032 \pm 0.009</math> <math>\mu\text{g}</math>)          - Thời gian trả kết quả: 20 phút          - Thể tích mẫu sử dụng: huyết thanh/huyết tương: 100 <math>\mu\text{L}</math>; Không cần sử dụng dung dịch đệm cho mẫu máu huyết thanh, huyết tương.          - Nhiệt độ bảo quản: 1 - 30 °C          - Không có phản ứng chéo với các mẫu HCV, HAV, CMV, EBV, Parvovirus, HIV, VZV, Syphilis, Rubella, HTLV và HSV.          - Kit thử ổn định ít nhất 20 tuần khi để ở nhiệt độ 55°C          - Ngưỡng phát hiện: 2 IU/ml          - Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485 hoặc tương đương.</p>	<p>Test</p>	<p>37.300</p>	<p>18.000</p>	<p>671.400.000</p>
<p>Khay thử xét nghiệm định tính kháng nguyên NS1 vi rút Dengue, kháng thể IgG và IgM kháng vi rút Dengue</p>	<p>Xét nghiệm Dengue DUO là 1 xét nghiệm miễn dịch sắc ký dùng để phát hiện phân biệt cả hai virus kháng thể Dengue NS1 và kháng thể IgG và IgM kháng virut Dengue trong máu toàn phần, huyết thanh hoặc huyết tương. Các mẫu bệnh phẩm huyết tán, nhiễm mỡ, mật và những mẫu có chứa các yếu tố dạng thấp đã được khảo sát không gây nhiễu cho sản phẩm.          Không cần dung dịch pha loãng với xét nghiệm Dengue NS1          Thanh thử Dengue NS1 Ag:          - Phức hợp vàng: Hỗn hợp kháng thể chuột đơn dòng kháng dengue NS1 Ab (<math>0,0623 \pm 0,0200</math> <math>\mu\text{g}</math>), chất keo vàng IgY từ gà (<math>0,050 \pm 0,015</math> <math>\mu\text{g}</math>), vạch thử: Hỗn hợp kháng thể chuột đơn dòng kháng dengue NS1 Ab (<math>0,64 \pm 0,20</math> <math>\mu\text{g}</math>), vạch chứng: Kháng thể đơn dòng chuột kháng gà IgY (<math>0,64 \pm 0,20</math> <math>\mu\text{g}</math>)          Thanh thử Dengue IgG/IgM          Có nghiên cứu đánh giá hiệu năng trên cả nhóm bệnh nhân nhiễm nguyên phát và nhiễm thứ phát.          Có nghiên cứu đánh giá hiệu năng trên các sub-type DENV          Tiêu chuẩn ISO, CE</p>	<p>Test</p>	<p>120</p>	<p>152.019</p>	<p>18.242.280</p>

<p>Khay thử định tính phát hiện kháng nguyên SARS-CoV-2</p>	<p>Khay thử định tính phát hiện kháng nguyên protein nucleocapsid từ SARS-CoV-2 trong mẫu ngoáy dịch tỵ hầu của người.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Độ nhạy tương quan: 97,6%</li> <li>- Độ đặc hiệu tương quan: 99,5%</li> <li>- Độ chính xác tương quan: 99,1%</li> </ul> <p>Que chứng âm, chứng dương được cung cấp kèm theo mỗi hộp để kiểm tra sự chính xác của sản phẩm</p> <p>Ngưỡng phát hiện(LoD) <math>1,6 \cdot 10^2</math> TCID<sub>50</sub>/mL.</p> <p>Phát hiện được những biến chủng của SARS-CoV-2 : BA.2.86, BA.2.86.1, XBB.1.16.6, JN.1 (BA.2.86.1.1)</p> <p>Không bị lây nhiễm chéo bởi Virus RSV và Rhino ở nồng độ <math>3,15 \cdot 10^5</math> TCID<sub>50</sub>/mL</p> <p>Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485 hoặc tương đương.</p>	<p>Test</p>	<p>6.000</p>	<p>40.000</p>	<p>240.000.000</p>
<p>Que thử thai</p>	<p>- Dụng cụ phát hiện thai sớm dùng để thử nghiệm nhanh, phát hiện sự có mặt của hormone nội tiết tố thai nghén (HCG) có trong nước tiểu.</p>	<p>Test</p>	<p>900</p>	<p>7.800</p>	<p>7.020.000</p>
<p>Test thử nhanh Morphine Heroin</p>	<p>Định tính phát hiện Morphine trong nước tiểu của người.</p> <p>Hoạt chất chính: Kháng thể kháng MOP, cộng hợp MOP-BSA.; Kháng thể dê kháng IgG thỏ.</p> <p>Ngưỡng phát hiện (cut off) 300 ng/ml.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Độ nhạy tương quan 100%,</li> <li>- Độ đặc hiệu tương quan 100%,</li> <li>- Độ chính xác tương quan 100%.</li> <li>- Độ chính xác ngẫu nhiên lặp 100%</li> </ul> <p>Không bị gây nhiễu bởi các chất sau tại nồng độ 100 µg/mL: 4-Acetamidophenol, N-Acetylprocainamide, Ampicillin, Aspartame.</p> <p>Đọc kết quả tại 5 phút</p> <p>Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485 hoặc tương đương.</p>	<p>Test</p>	<p>100</p>	<p>8.000</p>	<p>800.000</p>

Test thử ma túy 5 chân	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Mục đích sử dụng: Phát hiện định tính nhiều loại chất kích thích và và chất chuyển hóa của chúng trong mẫu nước tiểu ở các nồng độ giới hạn khác nhau.</li> <li>- Tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm áp dụng: ISO 13485:2016</li> <li>- Thuốc thử: Vạch xét nghiệm chứa kháng thể đơn dòng chuột kháng thuốc và các liên hợp thuốc-protein tương ứng. Vạch chứa kháng thể đa dòng kháng IgG dê và kháng thể IgG thỏ.</li> <li>- Vật liệu được cung cấp: Panel que thử, Hướnng dẫn sử dụng</li> <li>- Đọc kết quả ở phút thứ 5. Không đọc kết quả sau 10 phút</li> </ul>	Test	125	60.000	7.500.000
Test thử ma túy 4 chân	<p>Panel định tính phát hiện (MDMA/MET/MOP/THC) trong nước tiểu của người khi nồng độ và/ hoặc chất chuyển hóa của chúng vượt ngưỡng phát hiện tương ứng. Hoạt chất chính: Kháng thể kháng MDMA, kháng thể kháng MET, kháng thể kháng MOP, kháng thể kháng THC, công hợp kháng nguyên MDMA-BSA, công hợp kháng nguyên MET-BSA, công hợp kháng nguyên MOP-BSA, công hợp kháng nguyên THC-BSA.</p> <p>1, MOP: Ngưỡng phát hiện (cut off) 300 ng/ml  2, MET: Ngưỡng phát hiện (cut-off) 1000 ng/ml  3, MDMA: Ngưỡng phát hiện (cut-off) 500ng/ml  4, THC: Ngưỡng phát hiện (cut off) 50 ng/ml</p> <p>Độ nhạy 100%, Độ đặc hiệu 100%, Độ chính xác 100%. Đọc kết quả tại 5 phút.  Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485 hoặc tương đương.</p>	Test	12.500	42.000	525.000.000
Định tính phát hiện Ketamine trong nước tiểu của người	<p>Định tính phát hiện Ketamine trong nước tiểu của người.</p> <p>Hoạt chất chính: Kháng thể kháng KET; IgG-thỏ; Công hợp Ketamine-BSA; Kháng thể dê kháng IgG thỏ.</p> <p>Ngưỡng phát hiện (cut off) :1000 ng/ml.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Độ nhạy tương quan 100%,</li> <li>- Độ đặc hiệu tương quan 100%,</li> <li>- Độ chính xác tương quan 100%.</li> </ul> <p>Đọc kết quả tại 5 phút  Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485 hoặc tương đương.</p>	Test	320	18.000	5.760.000
<b>g cộng: 24 khoản</b>	<b>Tổng tiền:</b>				<b>3.598.024.580</b>

**(Bảng chữ: Ba tỷ năm trăm chín mươi tám triệu tám trăm hai mươi tư nghìn năm trăm tám mươi đồng)**